TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 32, 01/08 - 05/08/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Duy trì sóng tăng"

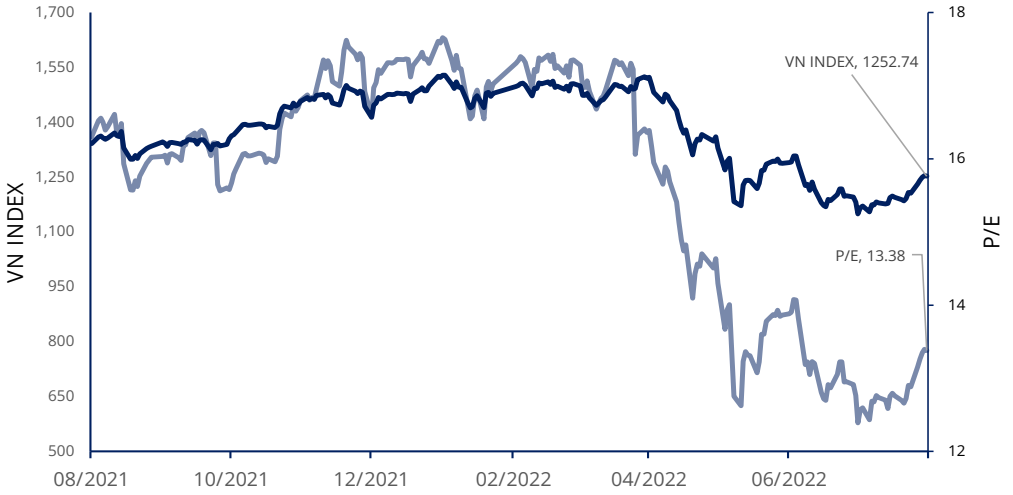
Các chỉ số chứng khoán trên thế giới kết thúc tuần trong tình trạng hỗn loạn khi dữ liệu việc làm cho thấy thị trường lao động bùng nổ, cao hơn gấp đôi so với dự đoán của các nhà kinh tế. Điều này khiến các nhà đầu tư lo ngại rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng lãi suất nhanh chóng để kiềm chế lạm phát quá mức. Chỉ số Russell 2000, S&P 500 Index và Nasdaq Composite đều đóng cửa ở mức tăng. Cổ phiếu ở châu Âu giảm do giả định rằng các ngân hàng trung ương sẽ tiếp tục tăng lãi suất mạnh mẽ để giảm lạm phát cao. Chỉ số Châu Âu STOXX Europe 600 Index (tính theo đồng nội tệ) giảm 0.59%. Chỉ số Nikkei 225 đã tăng 1.35% trong tuần, trong khi chỉ số TOPIX tăng 0.35%. Căng thẳng địa chính trị, tẩy chay thế chấp và các số liệu thống kê kinh tế không khả quan đã khiến các nhà đầu tư tránh xa thị trường chứng khoán vốn đang suy giảm của Trung Quốc. Chỉ số Shanghai Composite giảm 0.8%

Kết thúc tuần vừa qua, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1,253 điểm, tăng mạnh 46.41 điểm tương ứng với +3.85%. Chỉ số HNX-Index tăng 11.29 điểm, đóng cửa ở mức 299.9 điểm, chỉ số UPCoM tăng 1.71 điểm lên 91.32 điểm.

Góc nhìn kỹ thuật cho thấy chỉ số VN-Index có 1 tuần đầy bùng nổ khi liên tục tăng mạnh cùng với thanh khoản tăng 43,1% so với tuần trước đó và tăng trên mức trung bình 20 phiên. Chỉ số MACD đã có dấu hiệu quay đầu đi lên và chỉ số VN-Index sắp chạm ngưỡng MA100 đều đang báo hiệu cho đà tăng điểm của VN-Index trong thời gian tới. Động lực tăng trưởng chính của tuần qua đến từ nhóm ngành nguyên vật liệu và tài chính khi hai nhóm này đã có một tuần giao dịch khá sôi động với giá trị vốn hóa tăng lần lượt là 6.0% và 4.9%.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,253	1.7	6.0	-7.9	-15.3		13.4	2.1	213
Upcom Index	91	1.6	4.7	-12.0	-16.7		14.6	1.7	52
HNX Index	300	1.8	7.9	-16.4	-28.0		16.7	1.8	13
VN30 Index	1,272	1.3	2.4	-9.5	-17.0		11.0	2.1	148
S&P 500 Index	4,145	0.6	8.2	0.0	-7.9		20.3	4.1	36,338
STOXX Europe 600 Index	436	-0.4	8.7	-0.6	-5.7		14.7	1.8	12,308
Hang Seng	20,202	0.2	-7.6	-2.8	-17.8		7.5	0.8	2,738
Nikkei 225	28,176	0.7	6.6	5.1	2.7		19.1	1.7	3,478
SHCOMP Index	3,227	-1.0	-5.2	5.2	-4.0		13.2	1.5	6,583
STI Index	3,283	1.4	5.8	-1.8	-1.5		12.6	1.1	367
KOSPI Index	2,491	1.6	6.4	-7.0	-9.4		10.3	0.9	1,460

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	3.8	8.6	-13.7	41.2	43.4	19.2	69.5	-0.9	13.1	2.1	4,296,368
Mid Cap	4.2	12.0	-18.4	47.5	47.2	23.3	28.7	0.9	15.0	1.4	608,930
Small Cap	3.4	9.5	-28.3	49.4	57.9	19.7	1.8	0.1	15.0	0.9	69,069

Theo ngành

Tên ngành	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Nguyên vật liệu	6.0	11.5	-28.0	53.3	57.3	15.5	15.7	1.0	6.7	1.5	382,431
Tài chính	4.9	10.2	-22.4	48.6	47.0	33.0	33.8	1.2	20.9	2.0	1,316,796
Ngân hàng	4.5	7.9	-11.4	31.3	39.6	27.0	16.4	-1.5	9.6	1.7	1,591,106
Dịch vụ Tiêu dùng	3.3	3.1	-8.1	23.0	21.3	-8.7	3.9	-0.6	n.a	4.5	244,756
Công nghệ Thông tin	3.2	4.2	5.0	50.5	66.3	9.2	1.6	0.1	18.7	3.2	109,856
Công nghiệp	3.2	15.3	-13.9	36.9	44.9	12.2	11.7	-0.5	14.6	1.3	265,373
Dầu khí	2.6	10.5	-23.1	135.9	108.9	10.2	1.3	0.5	85.7	2.4	62,287
Tiện ích Cộng đồng	2.0	10.5	16.3	44.1	31.7	-18.3	2.7	0.0	14.5	2.3	342,280
Hàng Tiêu dùng	0.7	8.1	-11.1	39.9	35.7	22.8	12.6	-0.3	16.7	2.7	626,488
Dược và Y tế	-0.8	3.6	-14.1	48.6	44.4	25.5	0.3	0.0	15.1	2.0	33,455

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm -HT: Hiện tại -TĐ: Thay đổi

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

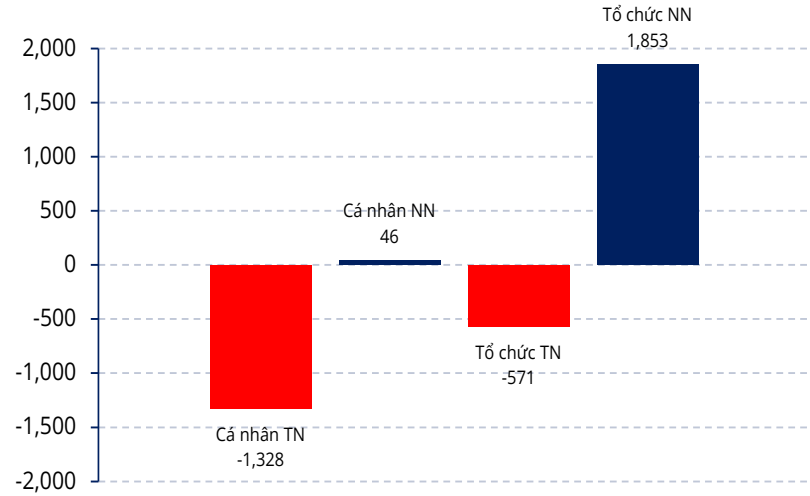
Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	2,912	17.73	20.38	108.4	118.3
Nước ngoài	1,785	17.13	19.15	112.4	184.4
VanEck Vectors Vietnam ETF	382	0.00	-12.92	-18.3	-16.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	587	1.67	16.25	166.8	439.9
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	354	0.00	-6.69	-37.0	-49.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	293	14.86	23.42	18.7	-87.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	130	0.00	-1.51	-18.5	-107.4
Premia MSCI Vietnam ETF	24	0.60	0.60	0.6	0.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	11	0.00	0.00	0.0	12.7
Trong nước	1,127	0.60	1.23	-3.9	-66.1
DCVFMVN Diamond ETF	603	0.00	0.00	0.0	-117.2
DCVFMVN30 ETF Fund	332	0.00	-5.49	-15.8	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	144	0.60	6.71	11.9	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.00	0.0	41.4
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.00	0.00	9.7

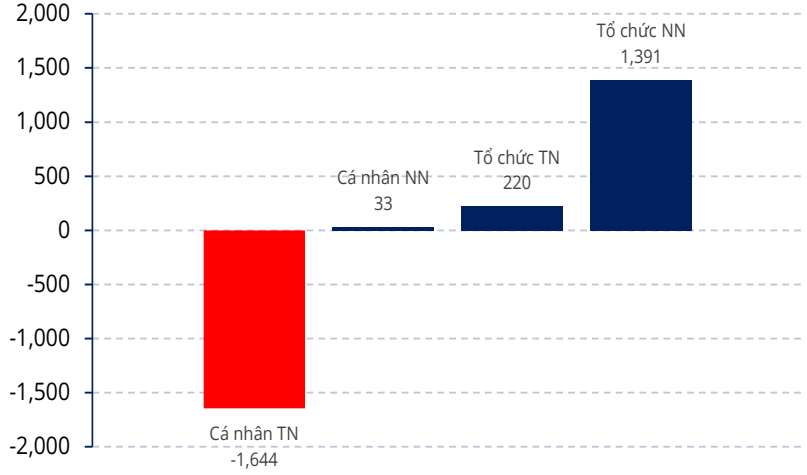
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	67,469	31,492	-85,296
Ấn độ	1,607	1,607	2,444	-26,113
Indonesia	-186	-186	-336	3,933
Nhật Bản	-903	4,963	4,963	5,536
Maylaysia	82	82	109	1,570
Philippines	13	13	-67	-842
Hàn Quốc	1,282	1,282	2,645	-13,442
Sri Lanka	-1	-1	1	-8
Đài Loan	-431	-431	-1,056	-35,126
Thái Lan	114	114	242	3,684
Việt Nam	91	91	105	72

Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Tuần trước đó



Tuần vừa qua



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	TCR	Xây dựng và Vật liệu	3.55 - 9.00	4.8	-7.82%
2	PAC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	30.20 - 45.65	34.2	-6.30%
3	LEC	Bất động sản	7.44 - 17.35	8.9	-5.85%
4	ROS	Xây dựng và Vật liệu	2.05 - 17.10	2.8	-5.72%
5	BRC	Sản xuất nông nghiệp	12.00 - 19.45	15.2	-5.00%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
25.17%	5.6	3.78 - 19.30	Bất động sản	PTL
24.58%	6.6	4.34 - 77.40	Xây dựng và Vật liệu	TGG
22.32%	20.6	13.15 - 30.88	Thực phẩm và đồ uống	DAT
19.71%	8.3	5.72 - 21.80	Dịch vụ tài chính	APG
19.24%	20.6	5.91 - 30.91	Dịch vụ tài chính	TVB

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	PCH	Xây dựng và Vật liệu	11.00 - 17.20	12.0	-27.27%
2	SDU	Xây dựng và Vật liệu	9.00 - 33.30	24.2	-19.33%
3	CLM	Tài nguyên Cơ bản	21.00 - 107.00	80.0	-18.53%
4	CX8	Xây dựng và Vật liệu	6.40 - 12.70	6.5	-16.67%
5	VTH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.19 - 13.54	7.1	-12.35%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
55.70%	46.0	14.44 - 46.80	Bất động sản	VC3
41.44%	25.6	13.00 - 50.60	Bán lẻ	THS
39.36%	13.1	7.50 - 28.40	Xây dựng và Vật liệu	VC9
26.98%	8.0	5.60 - 17.70	Xây dựng và Vật liệu	DTC
22.50%	4.9	2.50 - 34.10	Bất động sản	BII

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	HGW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.10 - 21.40	9.1	-43.13%
2	CFV	Thực phẩm và đồ uống	5.80 - 12.80	5.8	-27.50%
3	BMN	Xây dựng và Vật liệu	8.10 - 39.60	14.1	-26.94%
4	SIV	Hóa chất	41.00 - 66.70	46.0	-24.47%
5	TV6	Bán lẻ	6.40 - 22.70	6.9	-23.33%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
70.99%	22.4	8.20 - 76.00	Truyền thông	RGC
70.67%	12.8	7.50 - 25.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TAW
50.48%	15.8	9.20 - 20.00	Xây dựng và Vật liệu	TLT
41.98%	23.0	15.10 - 28.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MTV
36.36%	9.0	4.00 - 32.70	Xây dựng và Vật liệu	LG9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	SVC	SAVICO	Thực phẩm và đồ uống	115	1,173.6	101.6	63.50 - 148.80	6.9
2	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	483	337.4	44.8	40.60 - 59.30	5.4
3	NSC	Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	1,136	287.7	86.4	71.80 - 100.00	-1.4
4	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	1,093	225.7	25.8	16.75 - 39.20	0.4
5	SGN	Phục vụ mặt đất Sài Gòn	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	212	207.6	72.3	63.90 - 85.00	3.3
6	OPC	Dược phẩm OPC	Y tế	2,125	205.1	28.9	21.83 - 28.85	18.2
7	CVT	CMC JSC	Xây dựng và Vật liệu	60	197.5	39.1	36.20 - 52.80	-5.6
8	STK	Sợi Thế Kỷ	Hàng cá nhân & Gia dụng	539	191.9	50.4	39.80 - 70.60	0.6
9	THI	Thiết bị điện	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13	188.9	24.5	23.35 - 33.80	-1.8
10	PSH	TMại ĐT Dầu khí Nam Sông Hậu	Bán lẻ	10,534	185.1	11.0	10.50 - 30.30	-2.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	106.62	0.68	0.08	2.77	11.45	
VND/USD	23,389	0.20	0.23	1.88	2.47	
KRW/USD	1,298.25	-0.08	-0.16	2.55	9.20	
JPY/USD	135.01	1.31	-0.62	3.69	17.32	
EUR/USD	0.98	0.36	0.80	3.50	11.68	
SGD/USD	1.38	0.06	-1.75	-0.24	2.39	
CNY/USD	6.76	0.26	0.63	1.59	6.38	

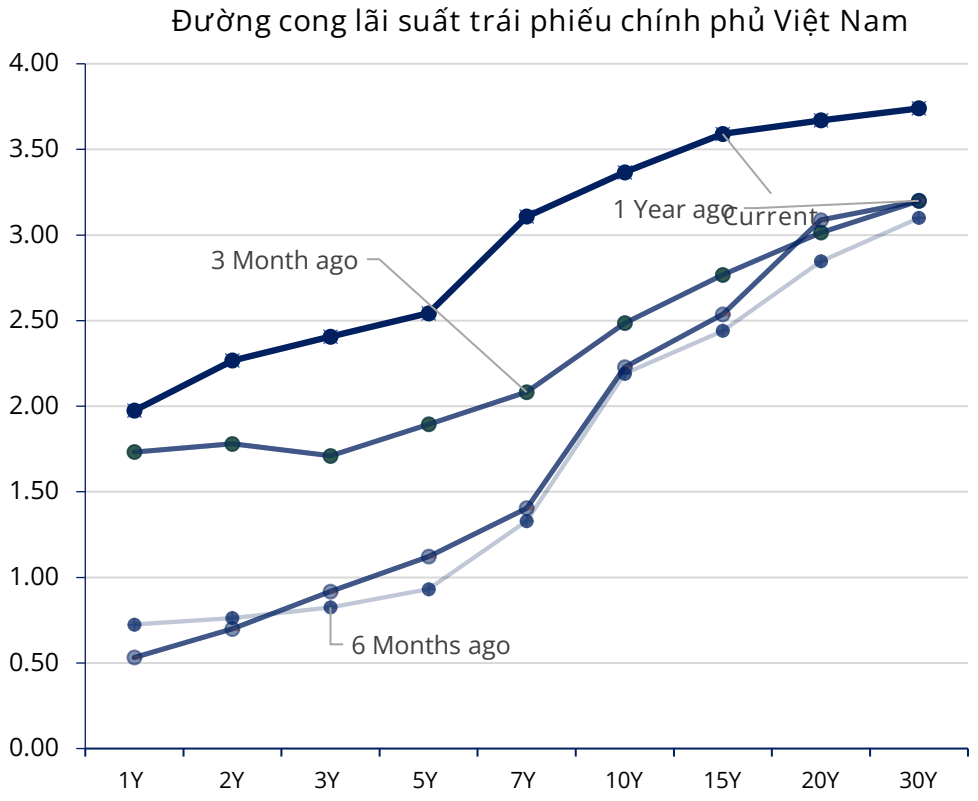
Hàng hóa

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	89.01	-9.74	-10.54	-17.78	18.35	
Xăng	285.56	-18.13	-14.22	-21.95	28.14	
Gas	8.06	-2.01	46.01	-8.19	116.19	
Than	361.00	-11.50	-9.21	-3.57	112.85	
Vàng	1,775.50	0.54	0.61	-5.42	-2.94	
Bạc	19.90	-2.27	3.54	-11.62	-14.64	
Platinum	936.26	4.10	7.77	-5.04	-3.35	
Quặng sắt	109.20	1.85	-3.88	-24.64	-2.93	
Thép cán	4,024.00	1.64	-8.11	-22.00	-15.27	
Lúa mì	775.75	-3.96	-2.27	-29.22	0.65	
Ngô	610.25	-0.97	-17.09	-24.07	2.87	
Gỗ	479.20	-9.09	-25.13	-53.02	-58.25	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.